

Bản án số: 10/2026/DS-ST
Ngày 31- 3 - 2026
V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – BẮC NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đặng Công Định.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lã Văn Minh, bà Vũ Thị Mai

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Hoàng Thị Trang - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 5 – Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Bắc Ninh tham gia phiên toà: Ông Hoàng Minh Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 31/03/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Bắc Ninh mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 280/2025/TLST- DS ngày 04 tháng 11 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2026/QĐXXST - DS ngày 09 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1970; (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà H, TDP T, phường C, tỉnh Bắc Ninh.

- *Bị đơn:* Ông Lãng Văn C, sinh năm 1973; (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà A, T, phường C, tỉnh Bắc Ninh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Hoàng Thị Kim C1, sinh năm 1974; (có đơn xin vắng mặt)

Số nhà H, TDP T, phường C, tỉnh Bắc Ninh.

2. Bà Bùi Thị T, sinh năm 1977; (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà A, TDP Chính, phường C, tỉnh Bắc Ninh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn S trình bày:

Do có quan hệ quen biết, nên ngày 11/07/2022 ông có cho ông Lăng Văn C vay số tiền là: 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng). Mục đích ông C vay tiền là để đảo hạn ngân hàng. Khi vay ông C có viết giấy vay nợ và ký tên vào giấy vay. Lãi suất không ghi trong giấy vay nợ mà thỏa thuận miệng là 1000 đồng/01 triệu/01 ngày. Thời hạn trả tiền không ghi trong giấy vay nợ mà ông C hẹn bằng miệng là 02 ngày sau sẽ trả. Số tiền ông cho ông C vay là tiền chung của ông và bà C1.

Sau đó 02 ngày ông C không trả ông số tiền trên. Ông đã đến nhà ông C đòi nhưng ông C hẹn để từ từ sẽ trả. Nhiều lần ông đòi ông C vẫn không chịu trả ông số tiền đã vay. Ông đã nhờ cơ quan Công an can thiệp nhưng ông C vẫn không trả tiền cho ông.

Tính từ ngày vay đến nay ông C chưa thanh toán trả cho ông khoản tiền gốc và tiền lãi nào.

Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông C, bà T phải thanh toán trả vợ chồng ông số tiền nợ gốc là 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi của khoản tiền này tính từ vay đến khi xét xử vụ án. Do lãi suất hai bên thỏa thuận cao hơn quy định của pháp luật. Nên ông đề nghị Tòa án xem xét áp dụng mức lãi suất là 20%/năm đối với số tiền chưa thanh toán.

Tạm tính đến ngày xét xử thì ông yêu cầu vợ chồng ông C, bà T phải trả cho vợ chồng ông số tổng số tiền là: 279.111.000 đồng (trong đó: 160.000.000 đồng tiền gốc, 119.111.000 đồng tiền lãi).

Bị đơn là ông Lăng Văn C trình bày trong các bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa: Ông xác định có vay của ông Nguyễn Văn S số tiền 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng) như ông S trình bày là đúng. Chữ ký của ông trong giấy vay tiền do ông S nộp cho Tòa án là chữ do ông ký. Tuy nhiên, dòng chữ hẹn 2 ngày trả không phải do ông viết.

Về mục đích vay tiền như ông S trình bày là đảo sổ tiền vay ngân hàng là đúng. Tuy nhiên, ông S cho ông vay tiền trả theo tháng. Mỗi tháng trả 19.200.000 đồng (Mười chín triệu hai trăm nghìn đồng) bao gồm cả gốc và lãi. Trả trong 02 năm. Mức lãi suất thỏa thuận ngoài như ông S trình bày là 1000 đồng/01 triệu/01 ngày là không đúng. Ông phải trả cho ông S là 4000 đồng/01 triệu/01 ngày.

Quan điểm của ông là ông đã thanh toán trả cho ông S còn 02 tháng chưa thanh toán từ đầu năm 2024. Nay ông không có căn cứ gì chứng minh về việc ông đã trả tiền cho ông S. Hiện giấy vay nợ gốc ông S vẫn giữ. Nên ông chỉ đồng ý trả ông S tiền gốc là 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng) không đồng ý trả lãi.

Ông xác định việc ông vay tiền của ông S là không liên quan gì tới vợ ông là bà Bùi Thị T.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Thị Kim C1 trình bày: Bà là vợ của ông S. Việc ông S cho ông C vay tiền bà biết, số tiền cho vay là tiền của chung của vợ chồng bà. Nay ông S khởi kiện ông C, quan điểm của bà đồng ý với ý kiến của ông S. Bà đề nghị Tòa án cho bà được vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa xét xử.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Bùi Thị T xác định việc vay nợ giữa ông C và ông S như thế nào bà không biết và không liên quan. Bà đề nghị Tòa án cho bà được vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa HĐXX công bố lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có trong hồ sơ.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự: Thẩm phán, thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ, tài liệu theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự; Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành nghiêm chỉnh về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành nghiêm chỉnh về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điều 117; Điều 119; Điều 463; Điều 466, Điều 468; Điều 470; Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26, Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025; Điều 1 Luật số 85/QH ngày 25/08/2025 của Quốc Hội;

Áp dụng Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q, xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S:

Buộc ông Lăng Văn C, bà Bùi Thị T phải trả ông Nguyễn Văn S, bà Hoàng Thị Kim C1 số tiền là 219.555.500 đồng (trong đó tiền gốc là 160.000.000 đồng và 59.555.500 đồng tiền lãi).

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa sau khi tiến hành nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông Nguyễn Văn S khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Lăng Văn C, bà Bùi Thị T trả số tiền nợ theo giấy vay nợ ngày 11/07/2022. Ông C, bà T có địa chỉ tại T, phường C, tỉnh Bắc Ninh. Do vậy đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Bắc Ninh theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Thị Kim C1, bà Bùi Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét hợp đồng vay tài sản giữa ông Nguyễn Văn S và ông Lăng Văn C, HĐXX thấy: Việc ông Nguyễn Văn S và ông Lăng Văn C viết giấy vay tiền trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, mục đích và nội dung giao kết không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội vì vậy hợp đồng vay tài sản giữa ông Nguyễn Văn S và ông Lăng Văn C là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật.

Tại giấy vay tiền có ghi hạn 02 ngày trả là do ông S ghi, còn ông C xác định không có thỏa thuận là 02 ngày trả mà trả theo tháng trong thời gian 02 năm. Tuy các đương sự không thống nhất về thời gian thanh toán nhưng đủ căn cứ xác định hợp đồng vay tài sản này có thời hạn.

Tại giấy vay tiền không thỏa thuận về lãi suất, nhưng quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự xác định có thỏa thuận lãi suất bên ngoài. Nên xác định đây là hợp đồng vay tài sản có lãi.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX thấy:

[4.1] Đối với yêu cầu đòi số tiền gốc 160.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận ông S có cho ông C vay số tiền 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng) như tại giấy vay nợ ghi ngày 11/07/2022 là đúng và ông C chưa thanh toán trả được cho ông S số tiền nợ gốc trên, tại phiên tòa ông C đồng ý trả cho ông S số tiền nợ này. Nên có căn cứ xác định ông C còn nợ ông S số tiền 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng).

Quá trình vay nợ là một mình ông C là người thực hiện các giao dịch với ông S. Tuy nhiên, HĐXX thấy: Tại thời điểm ông C vay tiền ông S thì ông C và bà T là vợ chồng. Giữa ông C, bà T không có thỏa thuận về phân chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Ông C thừa nhận vay tiền của ông S, bà C1 là để đảo số ngân hàng phục vụ phát triển kinh tế gia đình. Căn cứ Điều 27; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 ông C, bà T phải liên đới thực hiện nghĩa vụ do ông C đã thực hiện với ông S, bà C1.

Vì vậy yêu cầu của ông S buộc ông C, bà T phải thanh toán trả tiền nợ gốc đã vay là có căn cứ chấp nhận theo quy định theo Điều 27; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 463, Điều 466, Điều 470 BLDS.

[4.2] Đối với yêu cầu tính lãi của khoản tiền nợ gốc chưa thanh toán.

Ông Nguyễn Văn S yêu cầu ông Lăng Văn C, bà Bùi Thị T phải thanh toán khoản tiền lãi của khoản tiền 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng) theo mức lãi suất 20%/năm tính đến ngày xét xử là: $160.000.000 \text{ đồng} \times 03 \text{ năm} \times 20\% = 96.000.000 \text{ đồng}$ (Một trăm mười chín triệu đồng).

HĐXX thấy: Tại giấy vay nợ ngày 11/07/2022 không thể hiện khoản vay có lãi. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án cả ông S, ông C đều xác định khoản vay có lãi. Nhưng mức lãi suất ông S và ông C đưa ra không thống nhất. Nay ông S yêu cầu Tòa án xem xét áp dụng mức lãi suất 20%/năm đối với số tiền 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng), HĐXX thấy: Từ khi vay đến tại phiên tòa hôm nay, phía ông C chưa thanh toán trả cho ông S khoản tiền lãi nào. Do đó không có căn cứ xác định có việc trả mức lãi suất như ông S hay ông C trình bày. Việc ông S yêu cầu áp dụng mức lãi suất 20%/năm là không có căn cứ chấp nhận. Nên HĐXX chỉ chấp nhận một phần yêu cầu tính lãi của ông S với mức lãi suất được áp dụng là 10%/năm theo khoản 2 Điều 468 BLDS.

Từ ngày 11/07/2022 đến ngày 31/03/2026 là 03 năm 08 tháng 20 ngày. Số tiền lãi ông C, bà T phải thanh toán trả cho ông S, bà C1 sẽ được tính như sau: 160.000.000 đồng x 03 năm 08 tháng 20 ngày x 10%/năm = 59.555.500 đồng (Năm mươi chín triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm đồng).

Từ mục [4.1] và [4.2] thì tổng số tiền ông Lăng Văn C, bà Bùi Thị T phải thanh toán trả cho ông Nguyễn Văn S, bà Hoàng Thị Kim C1 là 219.555.500 đồng (trong đó tiền gốc là 160.000.000 đồng và 59.555.500 đồng tiền lãi).

[6] Về án phí:

- Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Lăng Văn C, bà Bùi Thị T phải chịu 10.977.700 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn S phải chịu 2.977.700 đồng án phí phần không được chấp nhận về yêu cầu tính lãi. Nhưng được trừ vào số tiền 6.500.000 đồng ông S đã nộp theo biên lai thu số 0002845 ngày 03/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Hoàn trả ông S số tiền 3.522.300 đồng.

[7]. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Điều 273 BLTTDS các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 117; Điều 119; Điều 463; Điều 466, Điều 468; Điều 470; Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 26, Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025; Điều 1 Luật số 85/QH ngày 25/08/2025 của Quốc Hội;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, xử:

1. Chấp nhận một yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S:

Buộc ông Lăng Văn C, bà Bùi Thị T phải trả ông Nguyễn Văn S, bà Hoàng Thị Kim C1 số tiền là 219.555.500 (Hai trăm mười chín triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm) đồng (trong đó tiền gốc là 160.000.000 (Một trăm sáu mươi triệu) đồng và 59.555.500 (Năm chín triệu năm trăm năm mươi nghìn năm trăm) đồng tiền lãi).

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Không chấp một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S đối với số tiền lãi 59.555.500 (Năm chín triệu năm trăm năm mươi nghìn năm trăm) đồng.

3. Về án phí: Buộc ông Lăng Văn C, bà Bùi Thị T phải chịu 10.977.700 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn S phải chịu 2.977.700 đồng án phí phần không được chấp nhận về yêu cầu lãi. Nhưng được trừ vào số tiền 6.500.000 đồng ông S đã nộp theo biên lai thu số 0002845 ngày 03/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Hoàn trả ông S số tiền 3.522.200 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND Khu vực 5 - Bắc Ninh;
- Phòng THADS Khu vực 5 - Bắc Ninh.
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đặng Công Định